

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 300/2023/DS-GĐT

Ngày: 13/12/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

09/11 thành viên tham gia xét xử, do ông Trần Văn Châu – Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ly - Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Hoa– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Hoàng D. Sinh năm 1956.

1.2. Bà Lê Hoàng Thị Hồng V. Sinh năm 1958.

Địa chỉ: A L, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị M. Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số F H, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Hoàng D, bà Hoàng Thị Hồng V cho rằng: Ngày 24/10/2018 ông D có ký hợp đồng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị M vay số tiền 1.900.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng với lãi suất 01%/tháng. Hợp đồng vay được công chứng tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ngày 02/03/2020 bà M còn vay của bà V số tiền 890.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng với lãi suất 01%/tháng, việc vay mượn chỉ lập hợp đồng viết tay. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông D khởi kiện yêu cầu bà M thanh toán cho ông D 1.900.000.000 đồng tiền gốc và 438.444.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 20/3/2021; Bà V khởi kiện yêu cầu bà M thanh toán cho bà V 890.000.000 đồng tiền gốc và 44.500.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 02/08/2020, sau đó bà V rút yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 498/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu tiền lãi 44.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền phải trả của bà Lê Hoàng Thị Hồng V đối với bà Nguyễn Thị M.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng D số tiền gốc là 1.900.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 433.444.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Hoàng Thị Hồng V số tiền gốc là 890.000.000 đồng.

Bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thanh toán, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/5/2022, bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại quyết định số 72/2023/KN-DS ngày 18/8/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 498/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn ông D, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn bà M trả cho ông D 1.900.000.000 đồng tiền gốc và 438.444.000 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm; Buộc bà M trả cho bà V số tiền gốc 890.000.000 đồng. Do bà M vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai và ý kiến trình bày nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2]. Tuy nhiên, sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, bà M có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, kèm theo đơn, bà M cung cấp các chứng cứ thể hiện đã trả cho ông D 1.915.000.000 đồng nợ gốc và lãi, cụ thể:

Ngày 05/11/2018 bà M có nhờ ông Nguyễn Cao Bình Hoàng T làm ủy nhiệm chi chuyển số tiền 915.000.000 đồng từ tài khoản của ông T tại Ngân hàng Đ chi nhánh B sang số tài khoản 16910000754333 mở tại Ngân hàng Đ

của ông D, nội dung này đã được ông T xác nhận tại bản tường trình và cam kết ngày 25/3/2023, đồng thời cung cấp hình ảnh cũng như bản sao ủy nhiệm chi; Cũng trong ngày 05/11/2018, bà M có nhờ bà Nguyễn Thị Ngọc V1 chuyển số tiền 01 tỷ đồng vào tài khoản nêu trên của ông D, nội dung này cũng được bà V1 xác nhận tại bản tường trình và cam kết vào ngày 21/3/2023 kèm theo biên lai nộp tiền.

Riêng đối với khoản tiền 890.000.000 đồng thể hiện trong hợp đồng vay ngày 02/03/2020, bà M xác nhận có ký vào hợp đồng này nhưng thực chất thời điểm đó do ông D, bà V cần tiền chữa bệnh nên có nhờ bà M ký giấy vay tiền này để giúp ông D, bà V có căn cứ đi vay tiền từ nơi khác, do tin tưởng nên bà M mới ký chứ thực tế không nhận khoản tiền nào từ bà V nên bà M cũng khẳng định bà V không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã giao khoản tiền trên cho bà M.

[3]. Căn cứ đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm và các tài liệu, chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định bà M có nhờ ông T và bà V1 chuyển tiền cho ông D. Tuy nhiên, do bà M đã chuyển nhượng nhà, đất tại số E, đường số D, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 04/4/2018 và thay đổi nơi cư trú đến số F H, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh từ trước khi ông D, bà M khởi kiện. Bà M cho rằng việc bà chuyển nơi ở ông D, bà V biết rõ vì vợ chồng ông D, bà V đã nhiều lần đến nhà mới của bà M. Hơn nữa, khi bà M tổ chức đám cưới vào ngày 04/8/2019 có gửi thiệp mời vợ chồng ông D, bà V tham dự, trong thiệp mời có thể hiện địa chỉ mới của bà ở số F H nêu trên nhưng khi khởi kiện, ông D, bà V lại không cung cấp địa chỉ này nên quá trình Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng, bà M đều không nhận được để tham gia phiên tòa, thực hiện các quyền tố tụng của mình, cung cấp kịp thời các tài liệu, chứng cứ để Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ giải quyết vụ án. Đây không phải lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4]. Quá trình xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mời ông D, bà V, bà M ông T và bà V1 để tiến hành đối chất giữa các bên nhằm làm rõ các khoản nợ trên thực chất đã được trả hay chưa? các khoản tiền mà ông T, bà V1 chuyển cho ông D là tiền gì? Đồng thời để thu thập chứng cứ thể hiện việc bà V đã giao số tiền 890.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 02/03/2020 cho bà M nhưng phía bà M ông T và bà V1 có mặt, riêng ông D và bà V đã được mời đến lần thứ 03 nhưng vẫn không đến nên không làm rõ được các nội dung đã nêu trên.

[5]. Do vậy, kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm nêu trên, giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị số 72/2023/KN-DS ngày 18/8/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 498/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng D, bà Lê Hoàng Thị Hồng V với bị đơn là bà Nguyễn Thị M. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND TP.HCM (để biết);
- TAND TP. Thủ Đức (để biết);
- CTHADS TP. Thủ Đức (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKTH, HSVA, THS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Trần Văn Châu